TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/ DS -ST
Ngày: 17/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Gia Phượng

Bà Nguyễn Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/03/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/2023/TB-TA ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 01, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu 01, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có mặt và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa phía nguyên đơn là chị Lưu Thị Đ trình bày: Do mối quan hệ quen biết là hàng xóm với anh Nguyễn Ngọc T nên chị có cho anh Nguyễn Ngọc T vay tiền cụ thể vào các ngày như sau:

Ngày 02/10/2013: Chị có cho anh T vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 30/01/2014: Chị có cho anh T vay thêm số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tổng hai lần vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Khi vay anh Nguyễn Ngọc T có viết giấy biên nhận vay tiền cho chị và ký vào giấy biên nhận vay tiền đó. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay chị và anh T tự thỏa thuận khi nào chị cần, chị đòi thì anh T sẽ trả cho chị. Mục đích vay anh T nói là để sửa nhà. Nhưng từ khi vay đến nay mặc dù chị đã đòi anh Nguyễn Ngọc T nhiều lần nhưng anh T không trả cho chị được khoản tiền gốc và lãi nào. Việc anh T nói đã trả được cho chị được 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi đến hết năm 2021 là chị khẳng định là không có. Nay do hoàn cảnh của anh T khó khăn nên đồng ý cho anh T tiền lãi. Tại phiên tòa chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho chị số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn) làm một lần và chị không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai đã thể hiện quan điểm như sau: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Lưu Thị Đ về việc anh có vay tiền của chị Đ hai lần. Tổng cộng số tiền anh vay của chị Đ là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn) như chị Đ trình bày là đúng. Khi vay anh có viết giấy biên nhận vay tiền và ký vào giấy biên nhận vay tiền đó. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay khi nào chị Đ cần, đòi anh thì anh sẽ trả cho chị Đ, mục đích vay của anh là để sửa nhà. Song từ khi vay đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên anh chỉ thanh toán được cho chị Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc, còn tiền lãi anh đã thanh toán hết năm 2021, sau đó không thanh toán được cho chị Đ nữa nhưng do tin tưởng chị Đ là hàng xóm của mình nên anh không yêu cầu chị Đ phải viết giấy là đã nhận tiền cho anh. Vì vậy, anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc anh đã trả được tiền lãi cho chị Đ. Nay chị Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc anh phải thanh toán cho chị Đ khoản tiền gốc là 60.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) thì anh xin được trả dần khoản tiền gốc cho chị Đ còn tiền lãi anh xin chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều: Điều 688, Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Đ đối với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả cho chị Lưu Thị Đ số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Nguyễn Ngọc T được miễn tiền án phí theo quy định.

Hoàn lại cho chị Lưu Thị Đ số tiền tạm ứng án đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lưu Thị Đ khởi kiện đòi anh Nguyễn Ngọc T phải trả số tiền gốc mà anh T đã vay của chị là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Việc anh Nguyễn Ngọc T cố tình trốn tránh không đến Tòa, có nghĩa là anh Nguyễn Ngọc T đã từ chối quyền được trình bày tại Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: Việc chị Lưu Thị Đ cho anh Nguyễn Ngọc T vay tổng số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) làm hai lần cụ thể lần 1: Ngày 02/10/2013 chị cho anh T vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 30/01/2014 chị cho anh T vay thêm số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là có thật. Điều này đã được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Kể từ thời điểm các bên ký kết hợp

đồng vay tài sản đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự. Phía bị đơn cho rằng mình đã thanh toán được cho chị Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc còn tiền lãi đã thanh toán đến hết năm 2021 nhưng do tin tưởng chị Đ là hàng xóm nên không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã thanh toán được cho chị Đ một phần khoản tiền gốc và tiền lãi nói trên. Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định anh T đã thanh toán cho chị Đ khoản tiền trên. Nên chị Đ khởi kiện buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả cho chị khoản tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Chị Lưu Thị Đ không đề nghị anh Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho mình khoản tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nói trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của chị Đ được chấp nhận nên chị Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002283 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do anh Nguyễn Ngọc T thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Nguyễn Ngọc T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: Điều 688, Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Đ đối với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả cho chị Lưu Thị Đ số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T được miễn tiền án phí theo quy định.

Hoàn lại cho chị Lưu Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002283 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lâm Thao;*
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *CQ THA dân sự huyện Lâm Thao;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang